

Số: 44/2025/QĐST-HNGĐ

H, ngày 18 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 72/2025/TLST- HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2025 giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Ngô Thị Hồng T, sinh năm 1988
Địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1988
Địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 - Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Ngô Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn T1.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Ngô Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn T1 thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Chị T và anh T1 có 03 con chung là Nguyễn Thị Thu T2, sinh ngày 22-01-2013; Nguyễn Mai P, sinh ngày 26-10-2015 và Nguyễn Văn V, sinh ngày 18-8-2017. Chị T và anh T1 thỏa thuận để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Mai P; anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Thu T2 và Nguyễn Văn V. Chị T có trách nhiệm góp cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Văn V cùng anh T1 mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 4 năm 2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị T và anh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị T tự nguyện nộp cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí góp cấp dưỡng nuôi con. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000672 ngày 10-4-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí (chị T đã nộp đủ).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- UBND xã D;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Bích Thủy